

CÔNG BÁO

NƯỚC

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

Các văn bản đã ban hành

PHỦ CHỦ TỊCH

23-1-1961. — Lệnh của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa số 1-LCT công bố pháp lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp	Trang 29
---	-------------

Pháp lệnh về việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp

Trang

29

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

25-1-1961 — Quyết định số 7-CP ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở tất cả các cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thị trấn và xã	37
25-1-1961 — Quyết định số 8-CP ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các thành phố Hà nội, Hải phòng và tỉnh Hòa bình	37

Các văn bản đã ban hành

PHỦ CHỦ TỊCH

LỆNH

của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa số 1-LCT ngày 23-1-1961 công bố pháp lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 1 năm 1961.

Hà nội, ngày 23 tháng 1 năm 1961

HỒ CHÍ MINH

PHÁP LỆNH

VỀ VIỆC BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Căn cứ vào Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa;

Đề nhân dân sử dụng quyền làm chủ nước nhà và xây dựng cơ quan quyền lực Nhà nước của mình ở địa phương,

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp như sau :

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3

Công dân đang ở trong quân đội có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo điều 2 của pháp lệnh này.

Điều 4

Những người bị tòa án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử, ứng cử và những người mất trí không có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 5

Kinh phí về tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách Nhà nước chịu.

CHƯƠNG II

DANH SÁCH CỬ TRI

Điều 6

Lúc lập danh sách cử tri, những công dân có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi cư trú.

Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri.

Điều 7

Danh sách cử tri do các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã lập theo khu vực bỏ phiếu.

Danh sách cử tri ở các đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang do các ban chỉ huy đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang lập cho mỗi khu vực bỏ phiếu.

Điều 8

Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử, phải niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã hoặc ở những nơi công cộng của khu vực bỏ phiếu. Đồng thời phải thông báo cho nhân dân biết việc niêm yết đó để nhân dân tham gia kiểm tra danh sách.

Điều 9

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai lầm, thiếu sót thì trong thời hạn 20 ngày kể từ

ngày niêm yết, nhân dân có quyền khiếu nại hoặc báo cáo bằng giấy hay là bằng miệng với cơ quan lập danh sách. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào một quyển sổ những điều khiếu nại và báo cáo. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại và báo cáo, cơ quan lập danh sách phải giải quyết.

Nếu người khiếu nại hoặc báo cáo chưa đồng ý về cách giải quyết đó, thì có quyền khiếu nại lên Tòa án nhân dân huyện, châu, thị xã, khu phố hoặc hành phố. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, các Tòa án nhân dân nói trên phải giải quyết; quyết định của Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng.

Điều 10

Từ khi công bố danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào đổi nơi cư trú thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban hành chính nơi cư trú để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu nơi cư trú mới. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban hành chính phải ghi ngay vào danh sách cử tri bên cạnh tên người cử tri đó: « đi bỏ phiếu nơi khác ».

CHƯƠNG III

SỐ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 11

— Nay quy định số đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

1. Hội đồng nhân dân thị trấn và xã.

Thị trấn và xã miền xuôi có từ 2.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 20 đại biểu; có trên 2.000 nhân khẩu, thì ngoài số 20 đại biểu tính cho 2.000 nhân

khẩu đầu tiên, cứ thêm 200 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 35 đại biểu.

Thị trấn và xã miền núi và hải đảo có từ 700 nhân khẩu trở xuống bầu cử 20 đại biểu, có trên 700 nhân khẩu, thì ngoài số 20 đại biểu tính cho 700 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm từ 150 đến 200 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 35 đại biểu.

Các thị trấn và xã miền xuôi và miền núi có trên 6.000 nhân khẩu thì có thể bầu tới 40 đại biểu, nhưng số đại biểu thị trấn và xã không được nhiều hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp.

Các xã dưới 300 nhân khẩu có thể bầu dưới 20 đại biểu.

2. Hội đồng nhân dân khu phố.

Khu phố có từ 20.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 20.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 20.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 2.500 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

3. Hội đồng nhân dân thị xã.

Thị xã có từ 10.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 10.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 10.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 1.500 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

4. Hội đồng nhân dân huyện và châu.

Huyện miền xuôi có từ 50.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 35 đại biểu; có trên 50.000 nhân khẩu, thì ngoài số 35 đại biểu tính cho 50.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 4.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số nói chung không quá 50 đại biểu.

Châu và huyện miền núi và hải đảo có từ 10.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 10.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 10.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm từ 1.500 đến 2.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tỉnh miền xuôi có từ 250.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 250.000 nhân

khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 250.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 20.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 120 đại biểu.

Tỉnh miền núi có từ 80.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 80.000 nhân khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 80.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 10.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 120 đại biểu.

6. Hội đồng nhân dân thành phố.

Thành phố có từ 60.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 60.000 nhân khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 60.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 10.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 140 đại biểu.

7. Hội đồng nhân dân khu tự trị.

Khu tự trị tùy theo tình hình dân số và dân tộc ở từng nơi, cử từ 2.000 đến 10.000 nhân khẩu thì bầu cử 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 150 đại biểu.

8. Hội đồng nhân dân khu Hồng Quảng và khu vực Vĩnh linh.

Số đại biểu Hội đồng nhân dân khu Hồng Quảng quy định như đối với các thành phố.

Số đại biểu Hội đồng nhân dân khu vực Vĩnh linh quy định như đối với các tỉnh miền xuôi.

Điều 12

Đối với các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ, có các khu vực công nghiệp tập trung hoặc nông trường, để cho các dân tộc thiểu số và công nhân có số đại biểu thích đáng trong Hội đồng nhân dân, Chính phủ có thể chấm dứt các tỷ lệ nói trên trong phạm vi mức tối đa đã quy định.

CHƯƠNG IV

ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 13

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bầu theo đơn vị bầu cử.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã là thôn hay là liên xóm.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn là đường phố hay là liên xóm.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã là liên tiểu khu hay là liên xã (nếu có xã ngoại thị).

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu phố là tiểu khu hay là liên tiểu khu.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, châu là xã hay là liên xã và thị trấn.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là huyện, thị xã và thành phố (nếu có thành phố thuộc tỉnh).

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố là khu phố ở nội thành và huyện ở ngoại thành.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị là huyện hoặc liên huyện, châu và thị xã.

Trong các đơn vị nói trên, đơn vị nào được bầu từ 10 đại biểu trở lên thì có thể chia thành hai đơn vị bầu cử hoặc nhiều hơn.

Điều 14

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh

trực thuộc trung ương, danh sách các đơn vị và số đại biểu cho mỗi đơn vị do Ủy ban hành chính khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh trực thuộc trung ương đề nghị, Chính phủ duyệt y.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trực thuộc, khu tự trị, huyện, châu, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, thị trấn, xã, danh sách các đơn vị và số đại biểu cho mỗi đơn vị do Ủy ban hành chính cùng cấp đề nghị, Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp duyệt y.

Điều 15

Các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào phải được Ủy ban hành chính cấp ấy công bố chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử.

Điều 16

Để nhân dân đi bỏ phiếu được thuận tiện, mỗi đơn vị bầu cử có thể chia thành nhiều khu vực bỏ

phiếu, mỗi khu vực bao gồm từ 500 đến 2.500 nhân khẩu.

Đặc biệt ở những nơi như miền núi, hải đảo, v.v... có những thôn, xóm cách xa nhau, thì dù số nhân khẩu chưa tới 500 người, cũng có thể thành lập một khu vực bỏ phiếu.

Các bệnh viện, nhà dưỡng lão, nhà an dưỡng, nhà nuôi người tàn tật có từ 50 cử tri trở lên, thì có thể tổ chức thành khu vực bỏ phiếu riêng.

Điều 17

Việc chia khu vực bỏ phiếu do các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã định và phải được Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Điều 18

Các đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang sẽ tổ chức thành khu vực bỏ phiếu riêng.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ, BAN BẦU CỬ, TỔ BẦU CỬ, HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT VIỆC BẦU CỬ, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN VÀ XÃ

Điều 19

Những tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi cấp gồm có: Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử.

Riêng đối với việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã, thì ngoài những tổ chức nói trên, ở cấp huyện, châu, thành phố thuộc tỉnh, thị xã có thể thành lập Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã để giúp đỡ và hướng dẫn cho cuộc bầu cử ở thị trấn và xã tiến hành được tốt.

Điều 20

Hội đồng bầu cử.

Chậm nhất là 40 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào, thì Ủy ban hành chính cấp ấy thành lập một Hội đồng bầu cử gồm đại biểu các chính đảng và các đoàn thể trong địa phương, để:

- Kiểm tra và đôn đốc việc thi hành luật lệ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong địa phương;
- Xét và giải quyết những khiếu nại của nhân dân về công tác của các Ban bầu cử và Tổ bầu cử;
- Tiếp nhận đơn ứng cử, lập và niêm yết danh sách những người ứng cử, xét và giải quyết những khiếu nại về việc lập danh sách người ứng cử;
- Tiếp nhận phiếu bầu cử của Ủy ban hành chính cùng cấp, để phân phối cho các Ban bầu cử, chậm nhất là 10 ngày trước ngày bầu cử;
- Tiếp nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến, làm biên bản ghi kết quả cuộc bầu cử trong địa phương;
- Tuyên bố kết quả cuộc bầu cử;

g) Chuyển giao Ủy ban hành chính cùng cấp biên bản tổng kết bầu cử và những hồ sơ tài liệu về cuộc bầu cử.

Hội đồng bầu cử gồm từ 7 đến 21 người. Hội đồng bầu ra một chủ tịch, một hoặc nhiều phó chủ tịch và một hoặc nhiều thư ký.

Danh sách Hội đồng bầu cử cấp khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh trực thuộc trung ương phải được Chính phủ phê chuẩn.

Danh sách Hội đồng bầu cử các cấp khác phải được Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Điều 21

Ban bầu cử.

Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào, thì Ủy ban hành chính cấp ấy thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử một Ban bầu cử gồm đại biểu các chính đảng, các đoàn thể nhân dân trong địa phương, để:

- Kiểm tra và đôn đốc các Tổ bầu cử chấp hành đúng luật lệ bầu cử;
- Kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;
- Tiếp nhận phiếu bầu cử của Hội đồng bầu cử để phân phối cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 7 ngày trước ngày bầu cử;
- Kiểm tra và đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu;
- Kiểm tra công việc bầu cử tại các phòng bỏ phiếu;
- Tiếp nhận và kiểm tra biên bản kiểm phiếu do các Tổ bầu cử gửi đến, làm biên bản ghi kết quả bầu cử trong đơn vị để gửi lên Hội đồng bầu cử.

Ban bầu cử gồm từ 5 đến 15 người. Ban bầu cử bầu ra một trưởng ban, một hoặc nhiều phó ban và một hoặc nhiều thư ký.

Điều 22

Tổ bầu cử.

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử, các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử gồm đại biểu các đoàn thể nhân dân trong địa phương, đề:

- a) Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
- b) Bố trí phòng bỏ phiếu và chuẩn bị hòm bỏ phiếu;
- c) Phát phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho các cử tri;
- d) Bảo đảm trật tự trong phòng bỏ phiếu;
- đ) Kiểm phiếu và làm biên bản kiểm phiếu để gửi lên Ban bầu cử;
- e) Chuyển giao biên bản kiểm phiếu và tất cả những phiếu bầu cho Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã.

Tổ bầu cử gồm từ 5 đến 11 người. Tổ bầu cử bầu ra một tổ trưởng, một tổ phó và một hoặc nhiều thư ký.

Các đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử gồm từ 5 đến 9 đại biểu của quân đội hoặc của công an nhân dân vũ trang, thời hạn thành lập và nhiệm vụ quyền hạn như trên.

Điều 23

Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã.

Trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã, Ủy ban hành chính huyện, châu, thành phố thuộc tỉnh, thị xã có thể thành lập Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã ở huyện, châu, thành phố thuộc tỉnh hoặc thị xã gồm đại biểu các chính đảng và các đoàn thể nhân dân trong địa phương, đề:

- a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành luật lệ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã trong địa phương;
- b) Tiếp nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các Hội đồng bầu cử thị trấn và xã gửi lên;
- c) Xét và giải quyết những khiếu nại về công tác của Hội đồng bầu cử thị trấn và xã.

Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã gồm từ 7 đến 15 người. Hội đồng bầu ra một chủ tịch, một hoặc nhiều phó chủ tịch và một hoặc nhiều thư ký.

Danh sách Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã phải được Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn.

Điều 24

Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã không được vận động bầu cử cho những người ra ứng cử. Những tổ chức đó hết nhiệm vụ sau khi cuộc bầu cử kết thúc.

CHƯƠNG VI

ỨNG CỬ

Điều 25

Mỗi khi có cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân có thể riêng biệt hoặc liên hiệp giới thiệu người ra ứng cử. Cá nhân có quyền tự ra ứng cử.

Điều 26

Mỗi người ứng cử chỉ được ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử.

Điều 27

Người ứng cử không được tham gia vào Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã.

Điều 28

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử, các chính đảng, các đoàn thể nhân dân giới thiệu người ra ứng cử phải nộp tại Hội đồng bầu cử:

1. Giấy giới thiệu người ứng cử;
2. Giấy chứng nhận người ứng cử có đủ điều kiện ứng cử;
3. Đơn ứng cử của những người được giới thiệu có ghi tên, tuổi, nghề nghiệp, nguyên quán, địa chỉ, nơi ra ứng cử.

Chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử, cá nhân tự ra ứng cử phải nộp tại Hội đồng bầu cử đơn ứng cử và giấy chứng nhận có đủ điều kiện ứng cử.

Khi nhận đơn ứng cử, Hội đồng bầu cử phải cấp giấy biên nhận.

Điều 29

Khi hết hạn nộp đơn ứng cử, Hội đồng bầu cử phải lập danh sách những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử và công bố danh sách đó ít nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử.

Điều 30

Kể từ ngày danh sách người ứng cử được công bố, ai thấy trong danh sách có sai lầm, thiếu sót thì có quyền khiếu nại hoặc báo cáo bằng giấy hay là bằng miệng với Hội đồng bầu cử, Hội đồng bầu cử phải ghi những khiếu nại và báo cáo ấy vào một quyển sổ. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại và báo cáo, Hội đồng bầu cử phải giải quyết; quyết định của Hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng.

Điều 31

Các chính đảng, các đoàn thể nhân dân, cũng như mỗi công dân Việt nam đều có quyền, trong phạm vi pháp luật, tự do cử động bằng मत tinh,

hội nghị, báo chí và mọi hình thức khác để giới thiệu người ứng cử.

Người ứng cử có quyền tự do cử động cho bản thân mình trong phạm vi pháp luật.

CHƯƠNG VII**TRÌNH TỰ BẦU CỬ****Mục 1: Ngày bầu cử****Điều 32**

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải tiến hành trong khoảng thời gian từ 2 tháng trước đến 1 tháng sau khi Hội đồng nhân dân khóa trước hết nhiệm kỳ.

Điều 33

Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ, và phải được ấn định và công bố ít nhất là 60 ngày trước khi bầu cử.

Chính phủ ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh trực thuộc trung ương và ấn định thời gian tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khác.

Căn cứ vào đó,

— Ủy ban hành chính khu tự trị Việt bắc ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ở khu tự trị;

— Ủy ban hành chính khu tự trị Thái — Mèo ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân châu, thị xã, thị trấn, xã ở khu tự trị;

— Ủy ban hành chính thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban hành chính tỉnh ấn định ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, khu phố, thị trấn, xã.

Điều 34

Trường hợp đặc biệt không thể tiến hành bầu cử trong thời gian đã quy định ở điều 32 thì Chính phủ phải báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội và đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xét định.

Điều 35

Trong thời hạn 15 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu và thời gian bỏ phiếu bằng niêm yết, phát thanh và bằng mọi phương tiện thông thường của địa phương.

Mục 2: Thẻ thức bỏ phiếu**Điều 36**

Cuộc bỏ phiếu tiến hành từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn giờ quy định, nhưng không được kéo dài quá 10 giờ đêm.

Điều 37

Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người bầu thay, không được bầu bằng cách gửi thư.

Mỗi cử tri chỉ có quyền bỏ một phiếu.

Điều 38

Cử tri không biết chữ hoặc tàn tật không tự viết phiếu được, thì có thể nhờ người viết hộ, nhưng phải tự bỏ phiếu; nếu vì tàn tật mà không tự bỏ phiếu được, thì cử tri có thể nhờ người bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Cử tri ốm đau, già yếu, tàn tật, không đến phòng bỏ phiếu được, thì có thể đề nghị Tổ bầu cử mang hòm phiếu và phiếu bầu đến tận chỗ ở để bỏ phiếu. Trong trường hợp này, Tổ bầu cử có thể tổ chức hòm phiếu phụ đem đến chỗ ở của cử tri để nhận phiếu bầu.

Điều 39

Lúc cử tri viết phiếu, không ai được đến gần để xem, kể cả nhân viên Tổ bầu cử.

Điều 40

Nếu viết hỏng, cử tri có thể đề nghị Tổ bầu cử đổi cho một phiếu khác.

Điều 41

Cấm tuyên truyền cổ động cho người ứng cử tại phòng bỏ phiếu.

Điều 42

Để bảo đảm trật tự cho việc bỏ phiếu, mọi người đều phải tuân theo nội quy của phòng bỏ phiếu.

Điều 43

Khi đã hết giờ bỏ phiếu mà còn một số cử tri có mặt ở phòng bỏ phiếu chưa kịp bỏ phiếu, thì cần để cho số cử tri đó bỏ phiếu xong rồi mới tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu.

Điều 44

Trong ngày bầu cử, cuộc bỏ phiếu phải tiến hành liên tục. Nếu có trường hợp bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong các giấy tờ và hòm phiếu lại rồi báo cáo cho Ban bầu cử biết, đồng thời phải khắc phục khó khăn để tiếp tục cuộc bỏ phiếu.

Điều 45

Nếu vì lý do đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu, thì Tổ bầu cử phải kịp thời báo cho Ban bầu cử biết để đề nghị Hội đồng bầu cử xét định.

CHƯƠNG VIII

KẾT QUẢ BẦU CỬ

Mục 1: Kiểm phiếu

Điều 46

Phiếu bầu phải được đếm và kiểm soát tại phòng bỏ phiếu. Lúc kiểm phiếu, Tổ bầu cử phải mời hai cử tri không ra ứng cử có mặt tại đó để chứng kiến.

Người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm thay mặt người ứng cử và các phóng viên báo chí, điện ảnh, nhiếp ảnh được vào xem kiểm phiếu.

Điều 47

Những phiếu sau đây là không hợp lệ:

1. Không phải là phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát;
2. Không có dấu của Tổ bầu cử;
3. Ghi tên người ứng cử quá số đại biểu được bầu.

Điều 48

Trong trường hợp phiếu bầu có ghi tên một hay nhiều người không ra ứng cử, thì tên những người này không được tính.

Tổ bầu cử không được xóa hoặc chữa các tên ghi trên phiếu bầu.

Điều 49

Khi nghi ngờ phiếu nào không hợp lệ thì tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra toàn Tổ giải quyết.

Điều 50

Những khiếu nại tại chỗ về việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử tiếp nhận, giải quyết và ghi cách giải quyết vào biên bản. Nếu Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải đưa lên Ban bầu cử để giải quyết.

Điều 51

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử phải lập biên bản trong đó có ghi:

- Tổng số cử tri;
- Số cử tri đã đi bầu;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu trắng;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Những khiếu nại và cách giải quyết, những khiếu nại chưa được giải quyết.

Biên bản làm thành hai bản có chữ ký của tổ trưởng, thư ký và hai cử tri được mời chứng kiến cuộc kiểm phiếu. Một bản gửi đến Ban bầu cử, một bản gửi đến Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn hoặc xã.

Mục 2: Kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử; bầu lại hoặc bầu thêm.

Điều 52

Sau khi nhận được biên bản của các Tổ bầu cử, Ban bầu cử kiểm tra các biên bản đó và xác định kết quả bầu cử của các khu vực bỏ phiếu thuộc đơn vị bầu cử của mình.

Biên bản phải ghi rõ:

- Số đại biểu Hội đồng nhân dân ấn định cho đơn vị bầu cử;
- Số người ứng cử;
- Tổng số cử tri trong đơn vị bầu cử;
- Số cử tri đã đi bầu, số cử tri không đi bầu, tỷ lệ số cử tri đã đi bầu so với tổng số cử tri;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu trắng;
- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử;
- Danh sách những người trúng cử;
- Những khiếu nại do Tổ bầu cử đã giải quyết, những khiếu nại do Ban bầu cử đã giải quyết, những khiếu nại chuyển lên cấp trên để giải quyết.

Biên bản làm thành hai bản có chữ ký của trưởng ban, phó trưởng ban và thư ký. Một bản gửi lên Hội đồng bầu cử, một bản gửi lên Ủy ban hành chính cùng cấp với Ban bầu cử.

Điều 53

Những người ứng cử được quá nửa số phiếu hợp lệ và được nhiều phiếu hơn thì trúng cử; nếu có nhiều người được số phiếu ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn được trúng cử.

Điều 54

Trong cuộc bầu cử đầu tiên, nếu số người trúng cử chưa đủ số đại biểu đã quy định, thì Ban bầu cử phải ghi rõ điểm này vào biên bản và báo cáo ngay cho Hội đồng bầu cử để quyết định ngày bầu thêm số đại biểu còn thiếu, chậm nhất không được quá 15 ngày sau cuộc bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu thêm, cử tri chỉ chọn bầu trong số người đã ra ứng cử nhưng không trúng cử kỳ đầu.

Điều 55

Trong mỗi đơn vị bầu cử, nếu số phiếu bầu chưa được quá nửa số cử tri ghi trong danh sách thì Ban bầu cử phải ghi rõ điểm này vào biên bản và báo cáo ngay cho Hội đồng bầu cử để quyết định ngày bầu lại, chậm nhất không được quá 15 ngày sau cuộc bầu cử đầu tiên. Trong cuộc bầu lại, cử tri chỉ chọn bầu trong số người đã ra ứng cử kỳ đầu.

Điều 56

Việc bầu lại hoặc bầu thêm vẫn theo danh sách cử tri đã được sắp xếp trong cuộc bầu cử đầu tiên và phải theo những điều đã được quy định trong pháp lệnh này.

CHƯƠNG IX

TỔNG KẾT CUỘC BẦU CỬ

Điều 57

Sau khi nhận được biên bản của các Ban bầu cử và giải quyết những khiếu nại nếu có, Hội đồng bầu cử làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử.

Hội đồng bầu cử tuyên bố kết quả cuộc bầu cử chậm nhất là:

- 5 ngày sau ngày bầu cử đối với Hội đồng nhân dân thị trấn, khu phố, thị xã và xã;
- 7 ngày sau ngày bầu cử đối với Hội đồng nhân dân huyện miền xuôi;
- 9 ngày sau ngày bầu cử đối với Hội đồng nhân dân châu, huyện miền núi, tỉnh miền xuôi và thành phố;
- 12 ngày sau ngày bầu cử đối với Hội đồng nhân dân tỉnh ở khu tự trị và ở miền núi;
- 20 ngày sau ngày bầu cử đối với Hội đồng nhân dân khu tự trị.

Điều 58

Biên bản tổng kết ghi rõ:

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Tổng số người ứng cử;
- Tổng số cử tri;
- Số cử tri đã đi bầu, số cử tri không đi bầu, tỷ lệ số cử tri đã đi bầu so với tổng số cử tri;
- Số phiếu hợp lệ;
- Số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu trắng;
- Danh sách những người trúng cử và số phiếu bầu cho mỗi người trúng cử;
- Các việc quan trọng đã xảy ra và cách giải quyết.

Biên bản làm thành hai bản có chữ ký của chủ tịch, các phó chủ tịch và thư ký của Hội đồng bầu cử; một bản gửi đến Ủy ban hành chính cấp bầu Hội đồng nhân dân; một bản gửi lên Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp. Nếu là cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh trực thuộc trung ương thì gửi biên bản lên Chính phủ; nếu là cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã thì ngoài biên bản gửi lên Ủy ban hành chính cấp trên trực tiếp, còn phải gửi một bản cho Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã.

Sau khi kiểm tra biên bản của Hội đồng bầu cử thị trấn, xã và giải quyết những khiếu nại nếu có Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã làm bản nhận xét gửi đến Ủy ban hành chính cùng cấp kèm theo hồ sơ.

Điều 59

Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân cử ra Ban thẩm tra tư cách đại biểu.

Căn cứ vào báo cáo của Ban thẩm tra tư cách đại biểu, Hội đồng nhân dân quyết định xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

Điều 60

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hủy bỏ cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nào có những điều không hợp pháp nghiêm trọng. Chính phủ ấn định ngày bầu cử lại Hội đồng nhân dân ấy.

CHƯƠNG X

HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI VI PHẠM QUYỀN TỰ DO BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

Điều 61

Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại đến quyền tự do bầu cử và ứng cử của công dân, thì tùy mức độ nặng nhẹ mà có thể bị cảnh cáo hoặc bị phạt tù, nặng nhất là 2 năm.

Điều 62

Nhân viên nào trong các Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử, Hội đồng giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn và xã, và nhân

viên nào trong các tổ chức chính quyền phạm tội giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng mọi thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả cuộc bầu cử, thì tùy mức độ nặng nhẹ mà có thể bị cảnh cáo hoặc bị phạt tù, nặng nhất là 3 năm.

Điều 63

Mọi người đều có quyền và có bổn phận tố cáo các việc làm trái phép trong lúc bầu cử. Ai cản trở hoặc trả thù người tố cáo, thì tùy mức độ nặng nhẹ mà có thể bị cảnh cáo hoặc bị phạt tù, nặng nhất là 3 năm.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 64

Pháp lệnh này thay cho sắc luật số 004-SLt ngày 20 tháng 7 năm 1957.